Viettel Business Solutions

MART LMS
Teach Smart, Learn Easy

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CHỨC NĂNG ĐÁNH GIÁ CHUẨN NGHỀ NGHIỆP DÀNH CHO ADMIN PHÒNG

MỤC LỤC

MỤC ĐÍCH **2**

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG **2**

1. Lưu đồ quá trình đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên. 2
2. Danh mục từ viết tắt 2
3. Hướng dẫn thao tác trên hệ thống 3
   - 3.1. Đăng nhập vào hệ thống 3
   - 3.2. Thông tin quản lý người học (TTQL người học) 4
   - 3.3. Tổng quan. 4
     - 3.3.1 Tổng quan/Nhiệm vụ. 4
     - 3.3.2 Năm đánh giá. 5
   - 3.4. Đánh giá hiệu trưởng/Cán bộ quản lý (CBQL) 5
     - 3.4.1 Thực hiện đánh giá 5
     - 3.4.2 Gửi cảnh báo 8
   - 3.5. Xem báo cáo 9
     - 3.5.1. Kết quả đánh giá chung 9
     - 3.5.2. Tổng hợp kết quả đánh giá 11
     - 3.5.3. Báo cáo 12

I. MỤC ĐÍCH

Tài liệu này là một phần của tài liệu hướng dẫn sử dụng cho Admin Sở, mô tả quy trình và hướng dẫn cách thức thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Lưu đồ quá trình đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Lưu đồ mô tả tổng quát quy trình đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Trong phạm vi tài liệu, hướng dẫn các bước thực hiện (1) và (2) với vai trò của Admin Sở

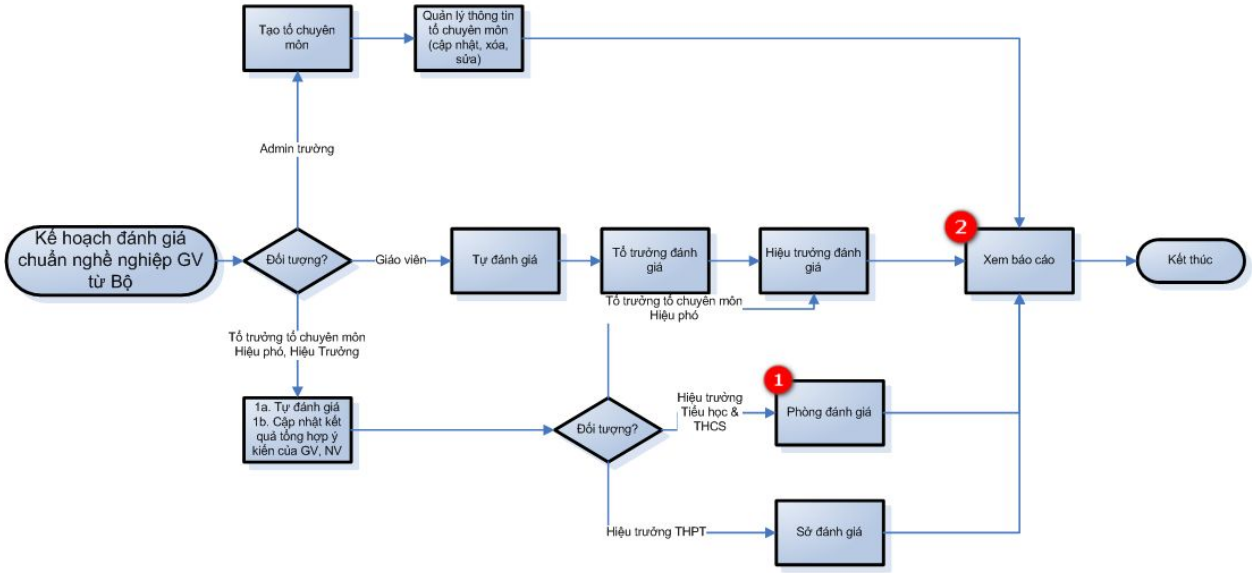

2. Danh mục từ viết tắt

STT	Ký Hiệu	Nguyên nghĩa
1	TTQL	Thông tin quản lý
2	GVPT	Giáo viên phổ thông
3	CBQL	Cán bộ quản lý
4	CNN	Chuẩn nghề nghiệp
5	GV, NV	Giáo viên, nhân viên
6	DTTS	Dân tộc thiểu số

3. Hướng dẫn thao tác trên hệ thống

3.1. Đăng nhập vào hệ thống

- Đăng nhập vào hệ thống TTQL người học theo hình minh hoạ dưới đây:

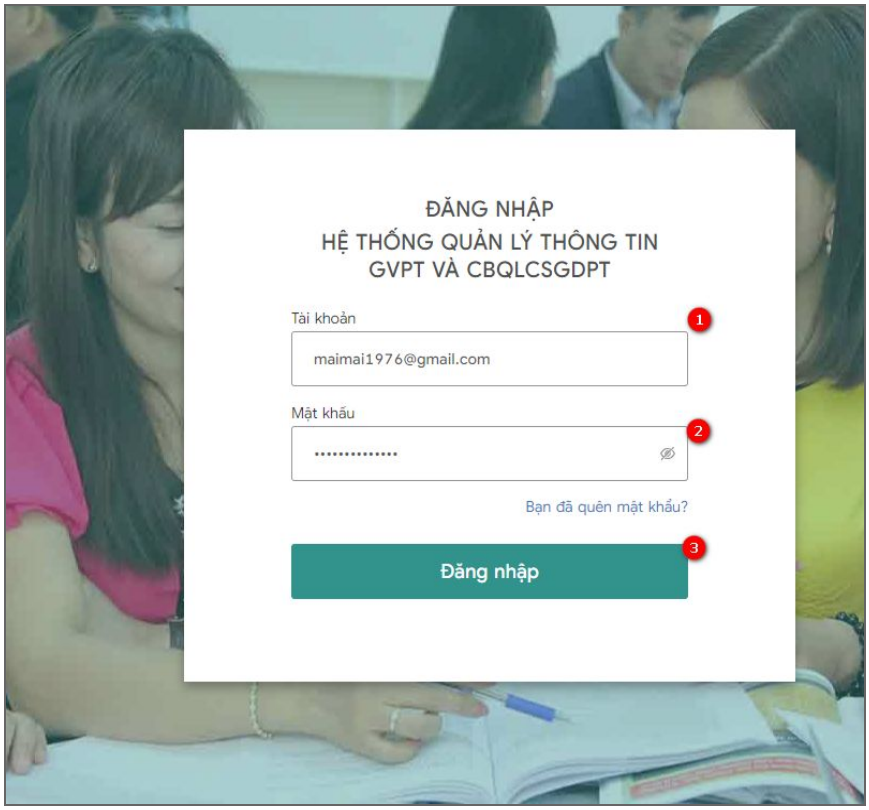

(1): Tài khoản: Thực hiện nhập mã tài khoản.
(2): Mật khẩu: Nhập mật khẩu tài khoản.
(3): Đăng nhập: Sau khi nhập đúng (1) và (2), click “Đăng nhập” thực hiện đăng nhập vào hệ thống TTQL người học.

Lưu ý:

- Trường hợp GVPT/CBQL chưa điền thông tin cá nhân hoặc GVPT chưa có tổ chuyên môn. Khi đăng nhập thành công sẽ chuyển hướng đến màn hình “**Thông tin hồ sơ cá nhân của Giáo viên/CBQL**”. Sau hoàn thành thông tin cá nhân thực hiện hiện đăng nhập vào hệ thống “**TTQL người học**”.

3.2. Thông tin quản lý người học (TTQL người học)

Tại màn hình Nhiệm vụ, chọn TTQL người học:

Màn hình TTQL hiện ra như sau:

Trong đó:

- (1) Tổng quan: Xem được nhiệm vụ của Trường phòng giáo dục cấp huyện, tổng quan tình hình đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp (CNN) của các hiệu trưởng trực thuộc Phòng/Sở.
- (2) Đánh giá CBQL: Danh sách các trường đã gửi thông tin đánh giá CNN.
- (3) Kết quả đánh giá chung: Xem kết quả đánh giá giáo viên, kết quả đánh giá hiệu trưởng/hiệu phó
- (4) Tổng hợp kết quả đánh giá: Hiển thị bảng tổng hợp chung kết quả đánh giá của hiệu trưởng.
- (5) Báo cáo: xem các báo cáo tổng hợp
- (6) Năm học: Hiển thị dữ liệu theo năm học

3.3. Tổng quan.

3.3.1 Tổng quan/Nhiệm vụ.

- Sau khi đăng nhập hệ thống, chọn **TTQL người học,** tại màn hình **TTQL người học,** chọn **Tổng quan** theo hình minh họa dưới đây:

- Tại đây sẽ hiển thị nhiệm vụ của trưởng phòng giáo dục như sau:

vi. ***Nhiệm vụ của giám đốc sở giáo dục và đào tạo:***

- Đánh giá hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học phổ thông, trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh (Theo Biểu mẫu 04 – CV 4529 – Phiếu cấp trên đánh giá hiệu trưởng/phó hiệu trưởng).

3.3.2 Năm đánh giá.

Để chọn năm đánh giá, bạn nhìn về phía bên phải màn hình và chọn năm xem đánh giá:

3.4. Đánh giá hiệu trưởng/Cán bộ quản lý (CBQL)

3.4.1 Thực hiện đánh giá

Tại menu ngang trong TTQL người học, chọn Đánh giá CBQL, màn hình hiện ra như sau:

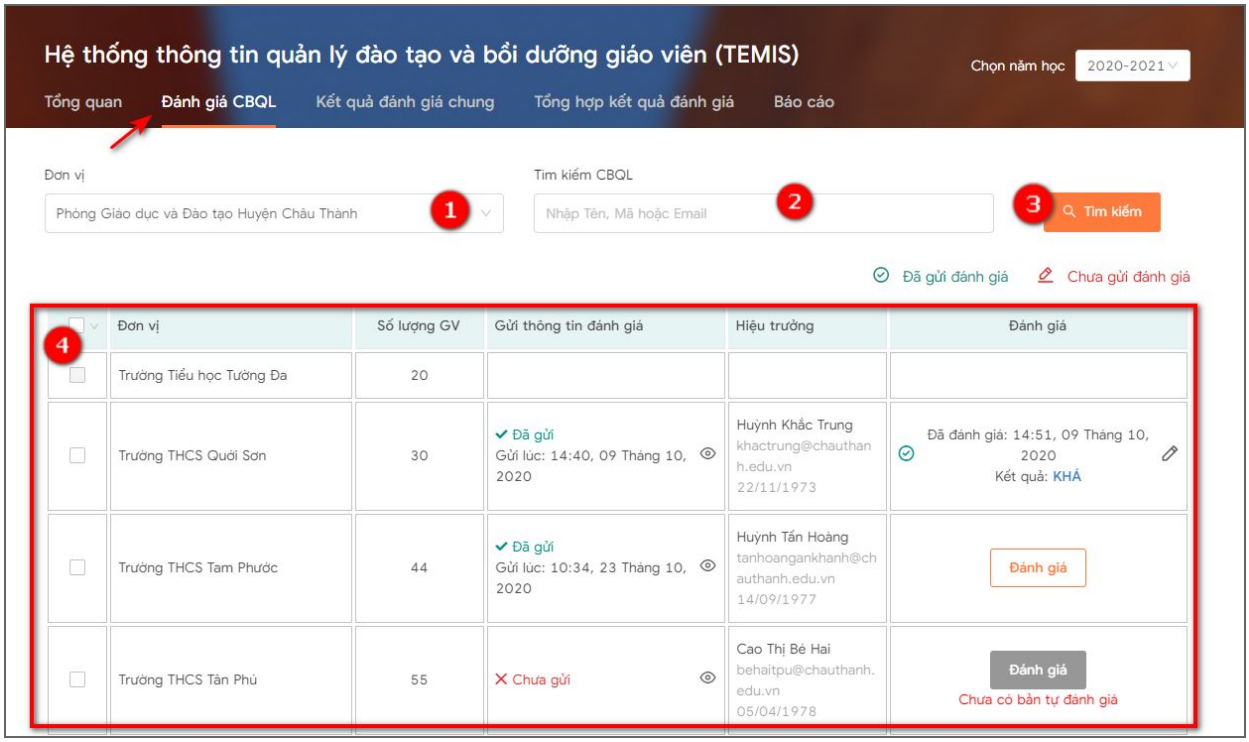

- Tại (1) Lựa chọn đơn vị cần đánh giá
- Tại (2) Tìm kiếm cán bộ quản lý. Tại đây, bạn có thể nhập tên, mã hoặc email của cán bộ quản lý. Sau đó, click (3) Tìm kiếm.
- Kết quả trả về là (4) Danh sách các đơn vị kèm thông tin hiệu trưởng của các trường. Trong đó:
    + Những trường chưa được gán hiệu trưởng sẽ không hiện thông tin gì cả.
    + Những trường đã được gán hiệu trưởng sẽ hiển thị thêm thông tin về hiệu trưởng, đã gửi thông tin đánh giá CNN hay chưa, và cho phép đánh giá CNN của hiệu trưởng đó.

    + Với cán bộ chưa gửi thông tin CNN sẽ hiển thị

    + Để đánh giá hiệu trưởng của 1 trường, bạn click vào nút

- Sau đó, một bảng gồm các tiêu chí đánh giá sẽ hiện ra cho bạn đánh giá cán bộ:

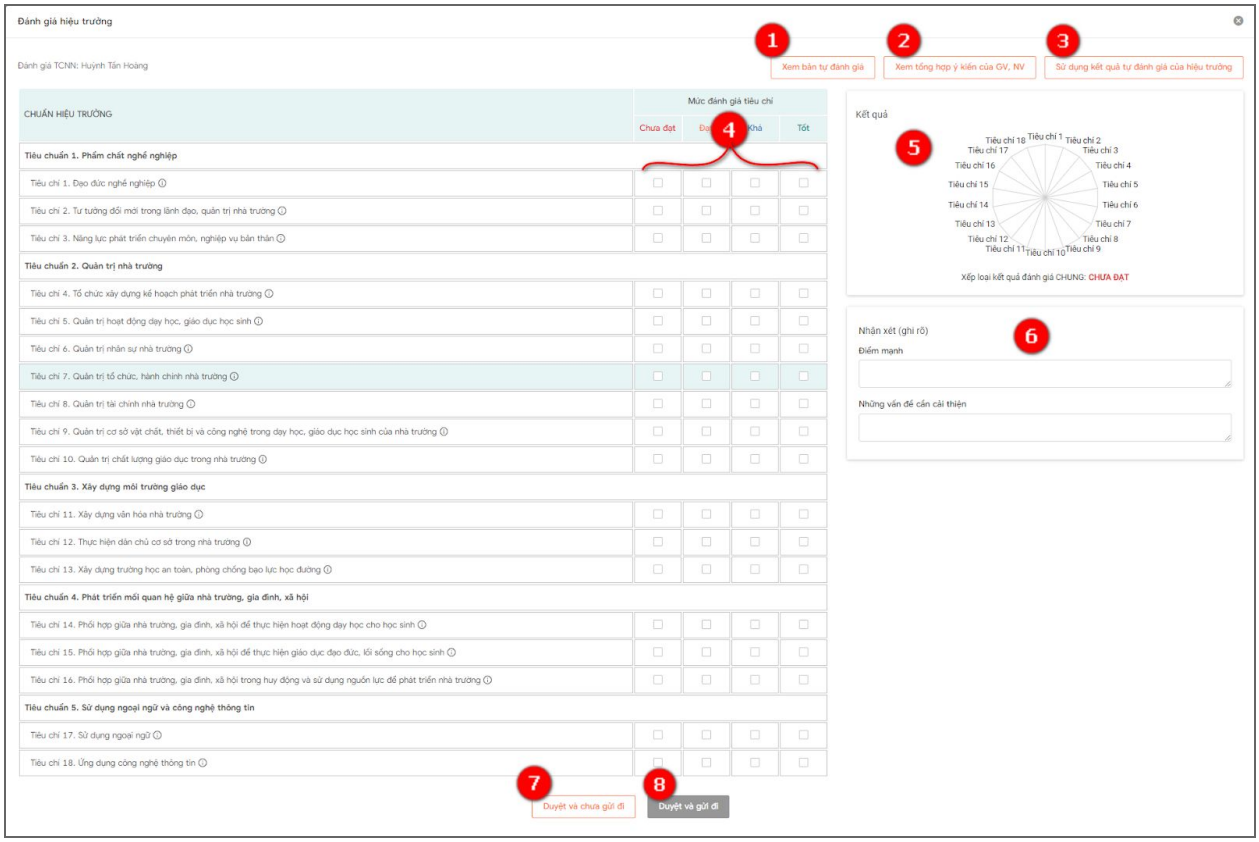

Trong đó:

- (1) Xem bản tự đánh giá: Bạn có thể xem lại bản tự đánh giá của hiệu trưởng

- (2) Xem tổng hợp ý kiến của GV, NV: Bạn có thể xem lại bản đánh giá của giáo viên, nhân viên cho hiệu trưởng và do hiệu trưởng tải lên,
- (3) Sử dụng kết quả tự đánh giá của hiệu trưởng: Bạn có thể đánh giá hiệu trưởng bằng chính bản tự đánh giá của hiệu trưởng.
- (4) Tích vào ☐ để đánh giá theo các tiêu chí đã đề ra
- (5) Kết quả đánh giá thể hiện bằng biểu đồ
- (6) Nhận xét: Bổ sung thêm các điểm mạnh và những vấn đề cần cải thiện
- Sau khi đánh giá xong, bạn có thể click vào (7) Duyệt và chưa gửi đi hoặc (8) Duyệt và gửi đi, để gửi kết quả lên cấp trên.

3.4.2 Gửi cảnh báo

- Thông báo cảnh báo sẽ được gửi đến email của các CBQL được chọn, trong email bao gồm tiêu đề là tiêu đề của thông báo. Nội dung mail chính là nội dung của thông báo.

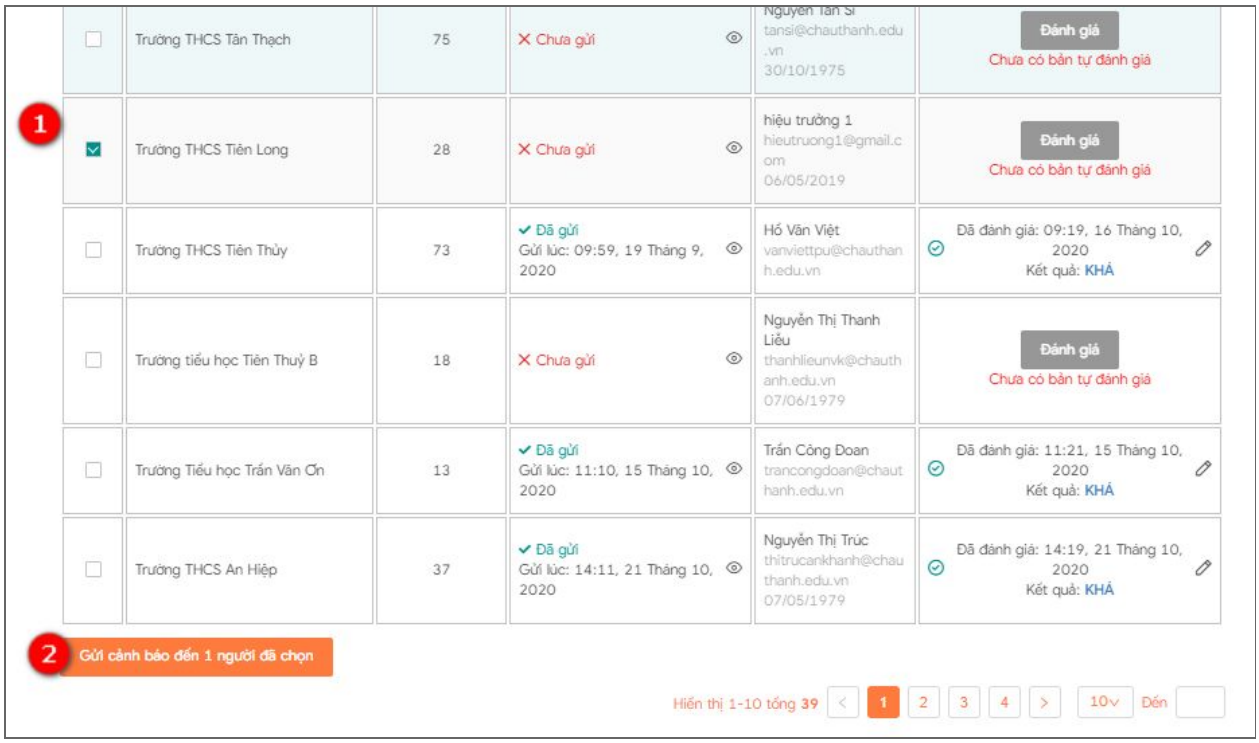

(1) Check box để chọn giáo viên
(2) Gửi cảnh báo đến [số lượng] giáo viên.
Sau đó hiển thị màn hình để điền thông tin cảnh báo sẽ hiện ra như sau:

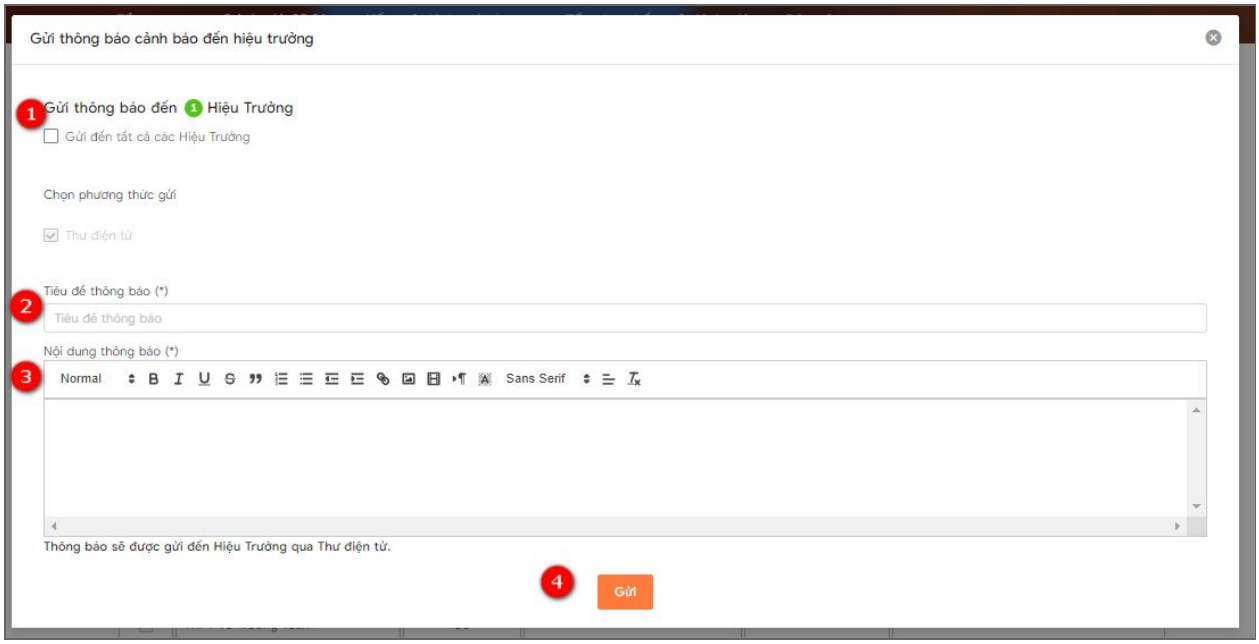

(1) Cho phép chọn tất cả các giáo viên để gửi cảnh báo đến tất cả các giáo viên.
(2) Thông tin chứa tiêu đề thông báo.
(3) Nội dung thông báo
(4) Gửi thông báo đi.

3.5. Xem báo cáo

3.5.1. Kết quả đánh giá chung

Tại menu ngang trong TTQL người học, chọn **Kết quả đánh giá chung**, màn hình hiện ra như sau:

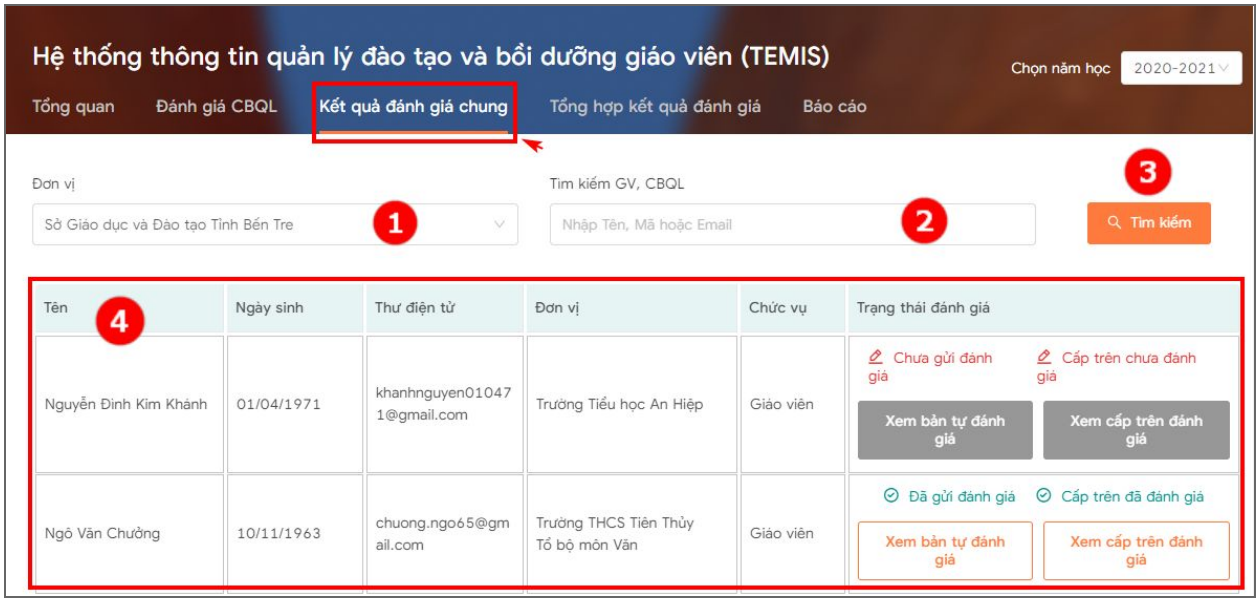

- Tại (1) Lựa chọn đơn vị cần xem kết quả đánh giá
- Tại (2) Tìm kiếm cán bộ quản lý. Tại đây, bạn có thể nhập tên, mã hoặc email của cán bộ quản lý. Sau đó, chọn (3) Tìm kiếm.
- Kết quả trả về là (4) Danh sách các đơn vị kèm thông tin hiệu trưởng của các trường. Trong đó:
  + Với Hiệu trưởng/CBQL chưa gửi thông tin tự đánh giá sẽ hiển thị

    Chưa gửi đánh giá

  + Với Hiệu trưởng/CBQL chưa được cấp trên đánh giá sẽ hiển thị

    Cấp trên chưa đánh giá

  + Để xem thông tin Hiệu trưởng/CBQL tự đánh giá, bạn chọn vào nút

    Xem bản tự đánh giá

  + Để xem thông tin cấp trên đánh giá Hiệu trưởng/CBQL, bạn chọn vào nút

    Xem cấp trên đánh giá

- Khi bạn chọn **Xem bản tự đánh giá**, hiển thị màn hình kết quả tự đánh giá của Hiệu trưởng/CBQL tương ứng

Đánh giá TCNN: Ngô Văn Chường Xếp loại đánh giá: CHƯA ĐẠT

ĐÁNH GIÁ GIÁO VIÊN THEO CHUẨN NNGVPT	Mức đánh giá tiêu chí				Minh chứng
	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt	
Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo					
Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo	✓				
Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo	✓				
Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ					
Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân	✓				
Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	✓				
Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	✓				

- Khi bạn chọn **Xem cấp trên đánh giá**, hiển thị màn hình kết quả đánh giá của cấp trên với Hiệu trưởng/CBQL tương ứng

Đánh giá TCNN: Ngô Văn Chường Xếp loại đánh giá: KHÁ

ĐÁNH GIÁ GIÁO VIÊN THEO CHUẨN NNGVPT	Mức đánh giá tiêu chí			
	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất nhà giáo				
Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo				✓
Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo				✓
Tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ				
Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân			✓	
Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh				✓
Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh				✓

3.5.2. Tổng hợp kết quả đánh giá

Tại menu ngang trong TTQL người học, chọn **Tổng hợp kết quả đánh giá**, màn hình hiện ra như sau:

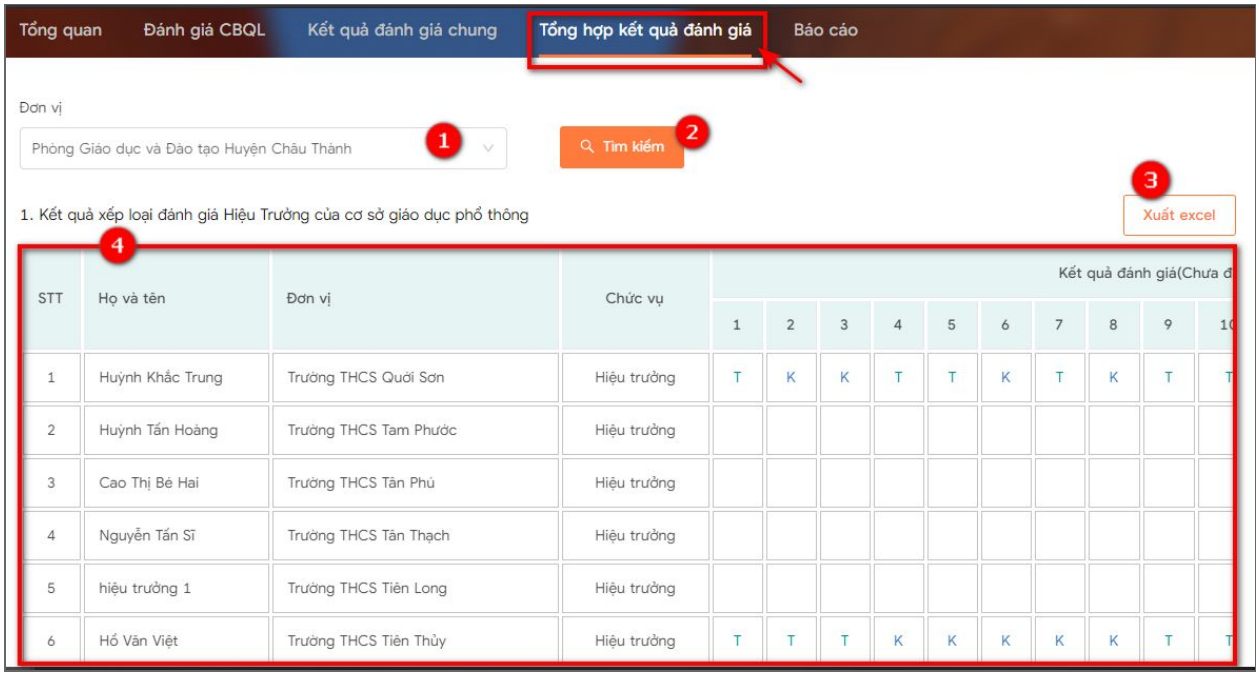

- Tại (1) Lựa chọn đơn vị cần xem kết quả đánh giá. Sau đó, chọn (2) Tìm kiếm.
- Tại (3) xuất excel kết quả xếp loại đánh giá hiệu trưởng của cơ sở giáo dục phổ thông.
- Kết quả trả về là (4) danh sách các hiệu trưởng kèm theo thông tin đơn vị và kết quả đánh giá hiệu trưởng của các trường.

3.5.3. Báo cáo

Tại menu ngang chọn (1) Báo cáo, màn hình hiện ra như sau:

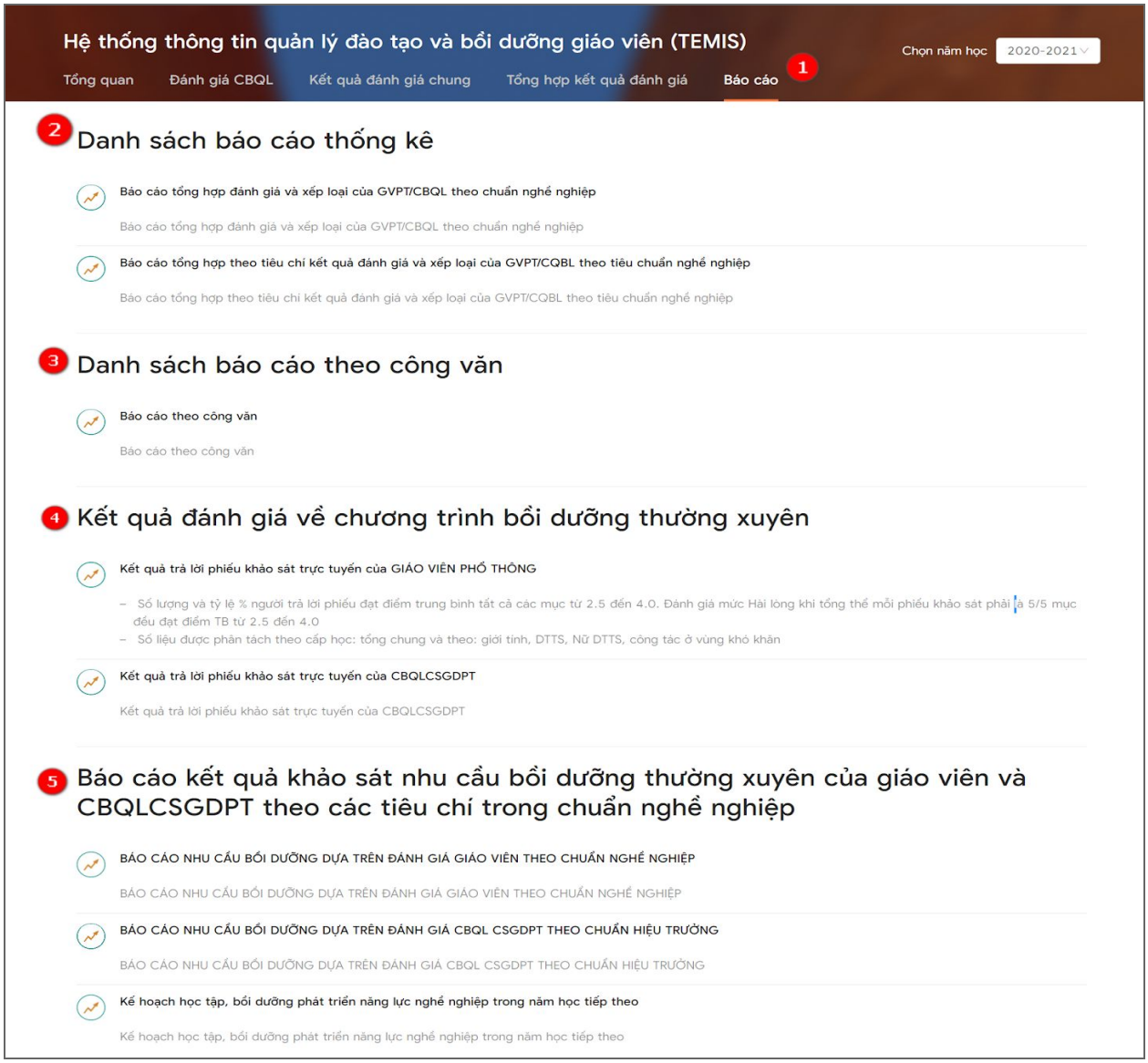

Trong đó:

- (2) Xem danh sách báo cáo thống kê
- (3) Xem báo cáo theo công văn
- (4) Xem Kết quả đánh giá về chương trình bồi dưỡng thường xuyên
- (5) Xem báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của GVPT và CBQL theo các tiêu chí trong chuẩn nghề nghiệp.

a) Báo cáo thống kê.

Tại màn hình báo cáo thống kê, Báo cáo được thống kê theo xếp loại đánh giá chung theo từng cấp học và chia theo từng tiêu chí. Trong đó bao gồm cả bản tự đánh giá của giáo viên và bản đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông giành cho giáo viên.

- (1) Báo cáo tổng hợp đánh giá và xếp loại của GVPT/CBQL theo chuẩn nghề nghiệp :

  Bao gồm 2 báo cáo sau:

  - Tổng hợp kết quả của phòng đánh giá và xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên.(Được hiển thị trên 2 đơn vị là số lượng và % trên tổng số).

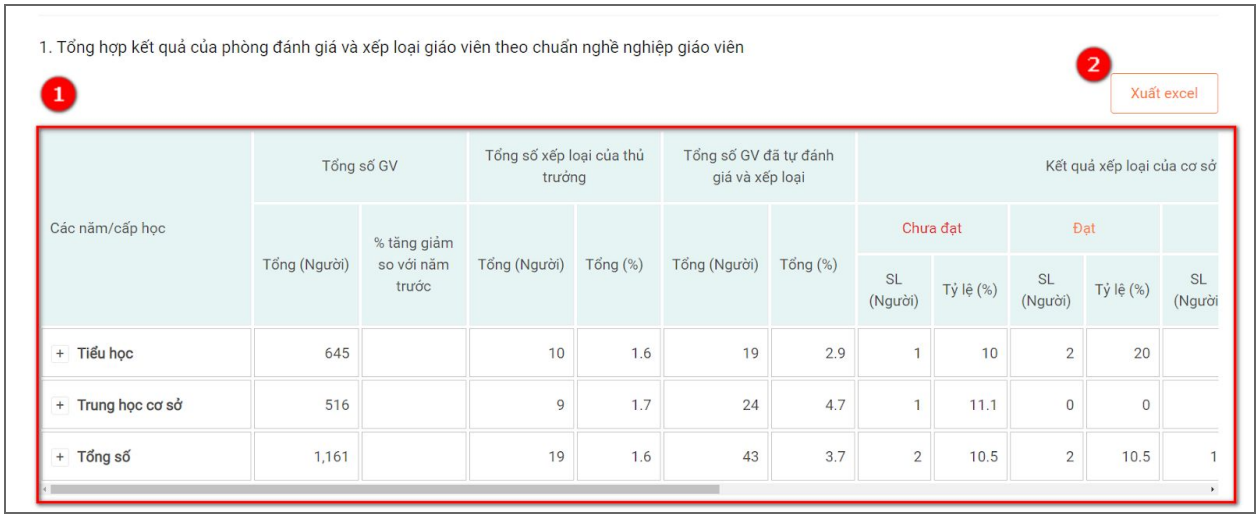

Các năm/cấp học	Tổng số GV		Tổng số xếp loại của thủ trưởng		Tổng số GV đã tự đánh giá và xếp loại		Kết quả xếp loại của cơ sở				
							Chưa đạt		Đạt		
	Tổng (Người)	% tăng giảm so với năm trước	Tổng (Người)	Tổng (%)	Tổng (Người)	Tổng (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người
+ Tiểu học	645		10	1.6	19	2.9	1	10	2	20	
+ Trung học cơ sở	516		9	1.7	24	4.7	1	11.1	0	0	
+ Tổng số	1,161		19	1.6	43	3.7	2	10.5	2	10.5	1

  - (1) Xem tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại của giáo viên.
  - (2) Thực hiện xuất excel bản báo cáo đang hiển thị và lưu về máy.

- Tổng hợp kết quả của phòng đánh giá xếp loại CBQL theo chuẩn hiệu trưởng.(Được hiển thị trên 2 đơn vị là số lượng và % trên tổng số).

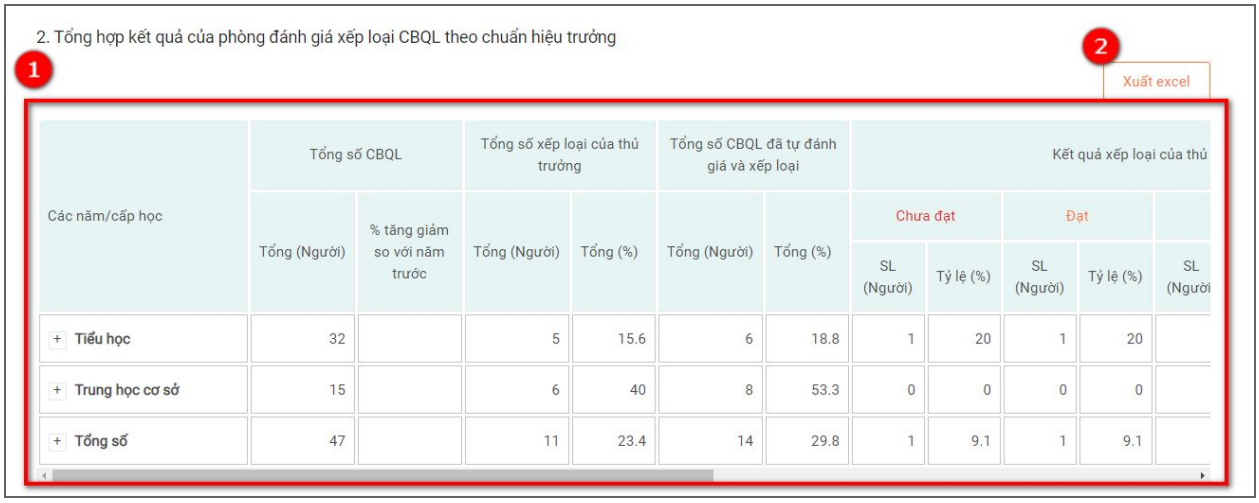

Các năm/cấp học	Tổng số CBQL		Tổng số xếp loại của thủ trưởng		Tổng số CBQL đã tự đánh giá và xếp loại		Kết quả xếp loại của thủ				
							Chưa đạt		Đạt		
	Tổng (Người)	% tăng giảm so với năm trước	Tổng (Người)	Tổng (%)	Tổng (Người)	Tổng (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người
+ Tiểu học	32		5	15.6	6	18.8	1	20	1	20	
+ Trung học cơ sở	15		6	40	8	53.3	0	0	0	0	
+ Tổng số	47		11	23.4	14	29.8	1	9.1	1	9.1	

  - (1) Xem tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại của CBQL.
  - (2) Thực hiện xuất excel bản báo cáo đang hiển thị và lưu về máy.

- (2) Báo cáo tổng hợp theo tiêu chí kết quả đánh giá và xếp loại của GVPT/CBQL theo tiêu chuẩn nghề nghiệp:

  Báo cáo được thể hiện qua 2 đơn vị là số lượng và % trên tổng số. Kết quả đánh giá của GVPT được thống kê trên từng tiêu chí (15 tiêu chí của GVPT và 18 tiêu chí của CBQL)

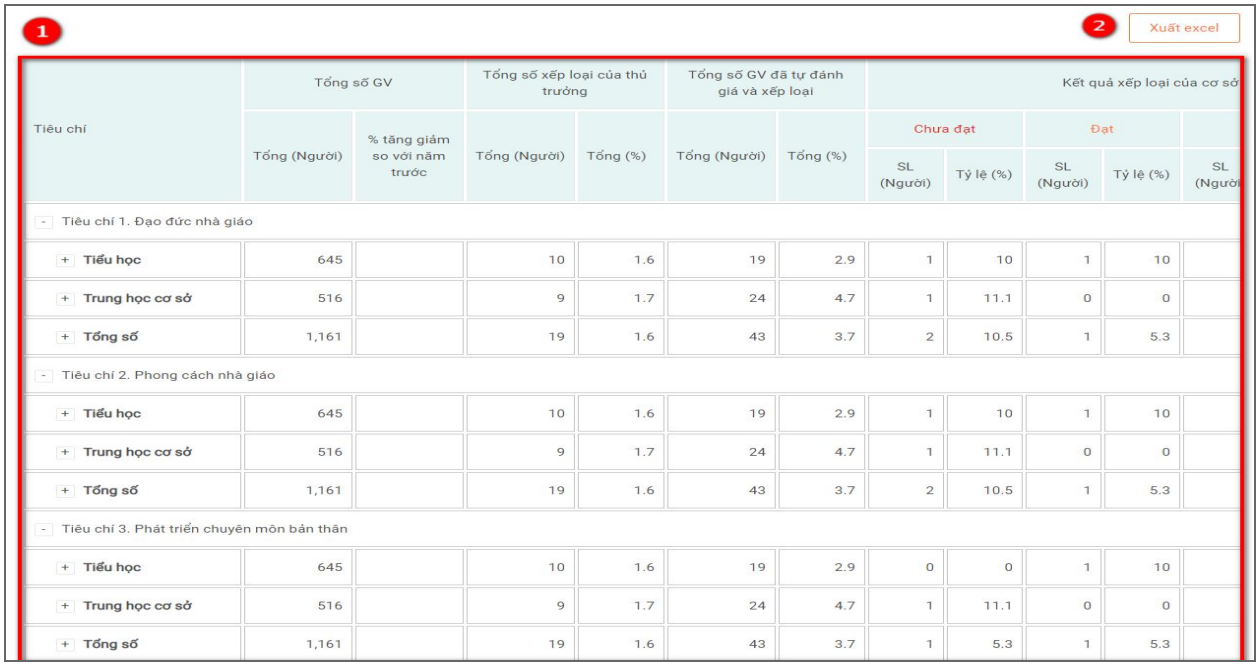

Tiêu chí	Tổng số GV		Tổng số xếp loại của thủ trưởng		Tổng số GV đã tự đánh giá và xếp loại		Kết quả xếp loại của cơ sở				
							Chưa đạt		Đạt		
	Tổng (Người)	% tăng giảm so với năm trước	Tổng (Người)	Tổng (%)	Tổng (Người)	Tổng (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người)	Tỷ lệ (%)	SL (Người
- Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo											
+ Tiểu học	645		10	1.6	19	2.9	1	10	1	10	
+ Trung học cơ sở	516		9	1.7	24	4.7	1	11.1	0	0	
+ Tổng số	1,161		19	1.6	43	3.7	2	10.5	1	5.3	
- Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo											
+ Tiểu học	645		10	1.6	19	2.9	1	10	1	10	
+ Trung học cơ sở	516		9	1.7	24	4.7	1	11.1	0	0	
+ Tổng số	1,161		19	1.6	43	3.7	2	10.5	1	5.3	
- Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân											
+ Tiểu học	645		10	1.6	19	2.9	0	0	1	10	
+ Trung học cơ sở	516		9	1.7	24	4.7	1	11.1	0	0	
+ Tổng số	1,161		19	1.6	43	3.7	1	5.3	1	5.3	

- (1) Xem tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại của GVPT/CBQL theo từng tiêu chí.
- (2) Thực hiện xuất excel bản báo cáo đang hiển thị và lưu về máy.

b) Báo cáo theo công văn

Tại mục báo cáo theo công văn,Kết quả đánh giá của GVPT/CBQL được chia theo 2 văn bản sau:

- Biểu mẫu 3 phụ lục 3 thống kê kết quả tự đánh giá và Kết quả đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông dành cho giáo viên theo 4 mức (chưa đạt, đạt, khá, tốt) và chia theo 2 cấp (tiểu học, trung học cơ sở).

Cấp dạy	Tổng số giáo viên	Tổng số giáo viên đã đánh giá	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
			Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tiểu học	645	13	11	84.6	0	0	1	7.7	1	7.7
Trung học cơ sở	516	15	14	93.3	0	0	1	6.7	0	0
Tổng số	1,161	28	25	89.3	0	0	2	7.1	1	3.6

(1) Kết quả tự đánh giá của giáo viên và Kết quả đánh giá của cơ sở giáo dục phổ thông (Hiệu trưởng đánh giá giáo viên).

(2) Thực hiện xuất excel.

- Biểu mẫu 1 phụ lục 3 công văn 4529, thống kê kết quả tự đánh giá và Kết quả đánh giá của cấp trên dành cho CBQL theo 4 mức (chưa đạt, đạt, khá, tốt) và chia theo 2 cấp (tiểu học, trung học cơ sở)

Kết quả đánh giá hiệu trưởng/hiệu phó

3 Xuất excel BM1/PL3.4529

1 Kết quả tự đánh giá của HT/HP và kết quả đánh giá của cấp trên

1. Kết quả tự đánh giá của hiệu trưởng/hiệu phó

Cấp dạy	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
+ Tiểu học	6	85.7	1	14.3	0	0	0	0
+ Trung học cơ sở	4	50	2	25	1	12.5	1	12.5
+ Tổng số	10	66.7	3	20	1	6.7	1	6.7

2 Kết quả đánh giá của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp

Cấp dạy	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
+ Tiểu học	1	16.7	1	16.7	2	33.3	2	33.3
+ Trung học cơ sở	0	0	0	0	6	100	0	0
+ Tổng số	1	8.3	1	8.3	8	66.7	2	16.7

(1) Kết quả tự đánh giá hiệu trưởng/hiệu phó.

(2) Kết quả đánh giá của phòng cho hiệu trưởng/hiệu phó.

(3) Thực hiện xuất excel

c) Kết quả đánh giá về chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GVPT hoặc CBQL cơ sở giáo dục phổ thông Thống kê được tổng số và tỉ lệ % số các giáo viên tham gia học tập trực tuyến, Hoàn thành 2 mô đun bồi dưỡng 2020, Số giáo viên hoàn phiếu khảo sát trực tuyến, số giáo viên hài lòng với mô đun, điểm trung bình trên các mục (Từ mục I đến mục V) .

1. Số lượng và tỷ lệ % GVPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số GVPT tham gia học tập trực tuyến: tổng chung, và phân tách theo cấp học; theo các nhóm, Nữ, DTTS, Nữ DTTS và công tác ở vùng khó

1 2 Xuất excel

Chung và theo cấp học	Tổng số GVPT tham gia học tập trực tuyến *(so với tổng số GV tham gia 2 MĐBD 2020)*					Tổng số GVPT CSGDPT hoàn thành 2 MĐBD 20 *(% = SL/Tổng)*						
	Tổng số	Nữ	DTTS	Nữ DTTS	CT vùng khó	Tổng		Nữ		DTTS		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL
Tổng số	42	7	15	10	10	21	50	2	9.52	5	23.81	
Tiểu học	42	7	15	10	10	21	50	2	9.52	5	23.81	
Trung học cơ sở	42	7	15	10	10	21	50	2	9.52	5	23.81	
Trung học phổ thông	42	7	15	10	10	21	50	2	9.52	5	23.81	

Trong đó :

(1) Xem tổng hợp kết quả thống kê theo 2 cấp học và tổng số.

(2) Xuất excel dữ liệu báo cáo.

Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GVPT được thống kê theo:

- Số lượng và tỷ lệ % GVPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số GVPT tham gia học tập trực tuyến: tổng chung, và phân tách theo cấp học; theo các nhóm, Nữ, DTTS, Nữ DTTS và công tác ở vùng khó khăn.
- Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng: tổng chung của các item (19 item) và phân tách theo cấp học; theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS, Công tác ở vùng khó khăn.
- Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến: tổng chung và phân tách theo cấp học; theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS, Công tác ở vùng khó khăn.
- Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến: tổng chung và phân tách theo cấp học; theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS, Công tác ở vùng khó khăn.
- Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GVPT/CBQL: tổng chung và phân tách theo cấp học; theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS, Công tác ở vùng khó khăn.
- Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của GVPT theo cấp học: Tổng chung và phân tách theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS, Công tác ở vùng khó khăn.

Lưu ý:

Số lượng và tỷ lệ % người trả lời phiếu đạt điểm trung bình tất cả các mục từ 2.5 đến 4.0. Đánh giá mức hài lòng khi tổng thể mỗi phiếu khảo sát phải là 5/5 mục đều đạt điểm TB từ 2.5 đến 4.0

Số liệu được phân tách theo cấp học: Tổng chung và theo: giới tính, DTTS, Nữ DTTS, công tác ở vùng khó khăn.

d) **Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên và CBQLCSGDPT theo các tiêu chí trong chuẩn nghề nghiệp.**

Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên và CBQL theo các tiêu chí trong chuẩn nghề nghiệp thống kê được nhu cầu bồi dưỡng của GVPT và CBQL theo 5 tiêu chí và 2 cấp học, phân chia theo nhu cầu của các đối tượng thuộc Nữ, nữ dtts, dtts, thuộc vùng khó khăn.

(1) Báo cáo nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, bao gồm 2 báo cáo sau:

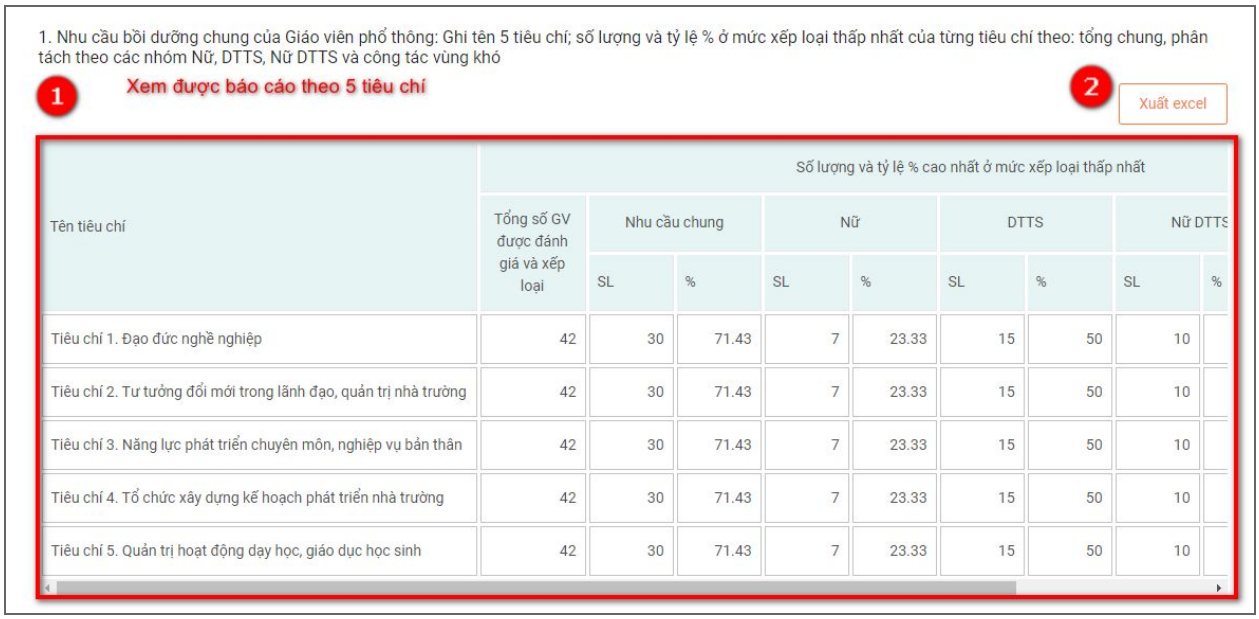

Tên tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ % cao nhất ở mức xếp loại thấp nhất								
	Tổng số GV được đánh giá và xếp loại	Nhu cầu chung		Nữ		DTTS		Nữ DTTS	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	

Trong đó :

- Xem được thông tin báo cáo nhu cầu bồi dưỡng theo các tiêu chí.
- Xuất excel bản báo cáo báo cáo nhu cầu bồi dưỡng.

2. Nhu cầu bồi dưỡng của Giáo viên phổ thông theo từng CẤP HỌC: Ghi tên 5 tiêu chí; số lượng và tỷ lệ % ở mức xếp loại thấp nhất của từng tiêu chí theo từng cấp học: tổng chung, phân tách theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS và công tác vùng khó

1 Dữ liệu báo cáo được chia theo 5 tiêu chí và 3 cấp học

2 Xuất excel

Cấp học/tên tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ % cao nhất ở mức xếp loại thấp nhất							
	Tổng số GV được đánh giá và xếp loại	Nhu cầu chung		Nữ		DTTS		Nữ D
		SL	%	SL	%	SL	%	SL
Tiểu học								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Trung học cơ sở								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Trung học phổ thông								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10

Trong đó :

- Xem được thông tin báo cáo nhu cầu bồi dưỡng theo các tiêu chí và cấp học.
- Xuất excel bản báo cáo báo cáo nhu cầu bồi dưỡng.

(2) Báo cáo nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá CBQL theo chuẩn hiệu trưởng, bao gồm 2 báo cáo sau:

1. Nhu cầu bồi dưỡng chung của CBQLCSGDPT: Ghi tên 5 tiêu chí; số lượng và tỷ lệ % ở mức xếp loại thấp nhất của từng tiêu chí theo: tổng chung, phân tách theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS và công tác vùng khó

1 Báo cáo chung theo 5 tiêu chí

2 Xuất excel

Tên tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ % cao nhất ở mức xếp loại thấp nhất								
	Tổng số GV được đánh giá và xếp loại	Nhu cầu chung		Nữ		DTTS		Nữ DTTS	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	

Trong đó :

- Xem được thông tin báo cáo nhu cầu bồi dưỡng theo các tiêu chí.
- Xuất excel bản báo cáo báo cáo nhu cầu bồi dưỡng.

2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQLCSGDPT theo từng CẤP HỌC: Ghi tên 5 tiêu chí; số lượng và tỷ lệ % ở mức xếp loại thấp nhất của từng tiêu chí theo từng cấp học: tổng chung, phân tách theo các nhóm Nữ, DTTS, Nữ DTTS và công tác vùng khó

1 Báo cáo chia theo 5 tiêu chí và 3 cấp học

2 Xuất excel

Cấp học/tên tiêu chí	Số lượng và tỷ lệ % cao nhất ở mức xếp loại thấp nhất							
	Tổng số GV được đánh giá và xếp loại	Nhu cầu chung		Nữ		DTTS		Nữ D
		SL	%	SL	%	SL	%	SL
Tiểu học								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Trung học cơ sở								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Trung học phổ thông								
Tiêu chí 1. Đạo đức nghề nghiệp	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 2. Tư tưởng đổi mới trong lãnh đạo, quản trị nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 3. Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ bản thân	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 4. Tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10
Tiêu chí 5. Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục học sinh	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10

Trong đó :

- Xem được thông tin báo cáo nhu cầu bồi dưỡng theo các tiêu chí và cấp học.
- Xuất excel bản báo cáo báo cáo nhu cầu bồi dưỡng.

(3) Kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp trong năm học tiếp theo.

Kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển năng lực của GVPT/CBQL trong năm tiếp theo sẽ được thống kê sau báo cáo nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá của GVPT và CBQL theo các nội dung :

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của GVPT/CBQL
- Thời gian hoàn thành module bồi dưỡng trong kế hoạch GVPT/CBQL
- Điều kiện thực hiện trong kế hoạch của GVPT/CBQL

1 Kế hoạch học tập bồi dưỡng của GVPT/CBQL trong năm tiếp theo

2 Xuất excel

Cấp học/nội dung	Số lượng và tỷ lệ % cao nhất ở mức xếp loại thấp nhất										
	Tổng số GV đã tự đánh giá	Nhu cầu chung		Nữ		DTTS		Nữ DTTS		CT vùng khó	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng											
- Tiểu học											
Nội dung 1	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	33.33	10	33
Nội dung 2	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	33.33	10	33
- Trung học cơ sở											
Nội dung 1	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	33.33	10	33
Nội dung 2	42	30	71.43	7	23.33	15	50	10	33.33	10	33

Trong đó :

- Xem được thống kê thông trong kế hoạch nhằm bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp trong năm tiêp theo của GVPT/CBQL.
- Xuất excel bản báo cáo kế hoạch bồi dưỡng.

VIETTEL Business Solutions

SMART LMS
Teach Smart, Learn Easy

Trải nghiệm ngay
Nền tảng quản lý đào tạo

HOẶC LIÊN HỆ ĐỂ NHẬN TƯ VẤN

ĐIỆN THOẠI: 0246.288.1188

Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel

https://solutions.viettel.vn
https://taphuan.csdl.edu.vn | https://smartlms.edu.vn
02462881188
taphuan@viettel.com.vn
Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.